

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-ST.

Ngày 30/9/2025.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên;

2. Bà Trần Thị Tím.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A). Trụ sở: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Nay là số 02 L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng G, chức vụ: Giám đốc A chi nhánh C.

Địa chỉ: Số G, Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là Số G, ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Trần Thị Hồng G uỷ quyền cho ông Trần Trọng K, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh C theo văn bản uỷ quyền đề ngày 22/7/2025. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Tăng Thị V1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt không lý do)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Tăng Văn L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp H, xã N, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Trọng K là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N chi nhánh C trình bày: Vào ngày 31/01/2020, Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện C (nay là Ngân hàng N (A) chi nhánh C) có ký Hợp đồng tín dụng số 7408LAV202000404 với chị Tăng Thị V1. Đến ngày 28/12/2023, Ngân hàng và chị V1 ký văn bản sửa đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng tín dụng trên và Ngân hàng đã giải ngân cho chị Tăng Thị V1 vay số tiền 200.000.000 đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ đề ngày 28/12/2023, thời hạn vay là 10 tháng, nhận nợ ngày 28/12/2023, thời hạn trả là 30/10/2024, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm, mục đích nuôi bò thịt. Hình thức vay là không tài sản bảo đảm, khi vay số tiền trên chị V1 đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng giữ hộ theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/6/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55. Tài sản giữ hộ gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 276, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.870m² và thửa 277, tờ bản đồ số 6, diện tích 420m² do hộ bà Tiêu Thị G1 Thôi đứng tên quyền sử dụng đất. Quá trình vay, chị V1 có trả cho Ngân hàng 52.000.000 đồng thì không thực hiện nghĩa vụ toán nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và yêu cầu chị V1 trả số nợ trên nhưng chị V1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Nay ông đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Tăng Thị V1 phải trả số tiền là 194.746.814 đồng (trong đó vốn gốc là 148.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 34.836.712 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.980.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.930.102 đồng). Đồng thời yêu cầu chị V1 phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn chị Tăng Thị V1, vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Tăng Văn L vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.*

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Tăng Thị V1 phải trả tổng số tiền gốc và lãi là 194.746.814 đồng (trong đó vốn gốc là 148.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 34.836.712 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.980.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.930.102 đồng) cho Ngân hàng N (A). Đồng thời buộc chị V1 phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N (A) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Tăng Thị V1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N (A) khởi kiện yêu cầu chị Tăng Thị V1 trả tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn và tiền lãi chậm trả. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hợp đồng tín dụng:* Vào ngày 31/01/2020, Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện C (nay là Ngân hàng N (A) chi nhánh C) có ký Hợp đồng tín dụng số 7408LAV202000404 với chị Tăng Thị V1. Đến ngày 28/12/2023 Ngân hàng và chị V1 ký văn bản sửa đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng tín dụng trên và Ngân hàng đã giải ngân cho chị Tăng Thị V1 vay số tiền 200.000.000 đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ đề ngày 28/12/2023, thời hạn vay là 10 tháng, nhận nợ ngày 28/12/2023, thời hạn trả là 30/10/2024, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là

10%/năm, mục đích nuôi bò thịt. Hình thức vay là không tài sản bảo đảm. Quá trình vay, chị Tăng Thị V1 có trả cho Ngân hàng 52.000.000 đồng tiền gốc thì không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và yêu cầu chị V1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng chị V1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Từ đó Ngân hàng N (A) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tăng Thị V1 phải trả số tiền là 194.746.814 đồng (trong đó vốn gốc là 148.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 34.836.712 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.980.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.930.102 đồng). Đồng thời yêu cầu chị V1 phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, bị đơn chị Tăng Thị V1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.*

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tăng Văn L vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.*

Xét thấy vào ngày 31/01/2020, Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện C (nay là Ngân hàng N chi nhánh C) có ký Hợp đồng tín dụng số 7408LAV202000404 với chị Tăng Thị V1. Đến ngày 28/12/2023, Ngân hàng và chị V1 ký văn bản sửa đổi, bổ sung điều khoản hợp đồng tín dụng trên và Ngân hàng đã giải ngân cho chị Tăng Thị V1 vay số tiền 200.000.000 đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ đề ngày 28/12/2023, thời hạn vay là 10 tháng, thời hạn trả là 30/10/2024, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm, mục đích nuôi bò thịt. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng có cung cấp các chứng từ như: Hợp đồng tín dụng số: 7408LAV202000404, ngày 31/01/2020 (bản sao); Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (bản sao); Bảng chiết tính vốn lãi đề ngày 31/3/2025 (bản chính); Phương án sử dụng vốn đề ngày 30/01/2020 (bản sao); Báo cáo đề xuất cho vay (bản sao); Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ (bản sao); Thông báo chuyển nợ quá hạn đề các ngày 05/11/2024, ngày 16/11/2024 (bản sao); Biên bản đôn đốc xử lý nợ quá hạn (bản sao). Quá trình vay, chị V1 có thanh toán cho Ngân hàng 52.000.000 đồng tiền gốc thì ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Khi đến kỳ hạn thanh toán tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng, chị V1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đồng thời bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được chị V1 có vay tiền của Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng số tiền nêu trên chưa trả. Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A) buộc chị Tăng Thị V1 phải trả số tiền là 194.746.814 đồng (trong đó vốn gốc là 148.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 34.836.712 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.980.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.930.102 đồng) cho Ngân hàng. Đồng thời buộc chị V1 phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N (A) theo

hợp đồng tín dụng số và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã ký kết ngày 28/12/2023.

Đối với tài sản giữ hộ: Khi vay tiền của Ngân hàng N (A) chi nhánh huyện C chị V1 đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng giữ hộ theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/6/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55. Tài sản giữ hộ gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 276, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.870m² và thửa 277, tờ bản đồ số 6, diện tích 420m² do hộ bà Tiêu Thị G1 Thôi đứng tên quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên khi chị V1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với tài sản giữ hộ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc chị Tăng Thị V1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 91, 92, 93, 94, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 463, 465 và Điều 466 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung 2017;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N (A).

- *Về số tiền gốc và lãi phải trả:* Buộc chị Tăng Thị V1 phải trả số tiền là 194.746.814 đồng (trong đó vốn gốc là 148.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 34.836.712 đồng, tiền lãi quá hạn là 8.980.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.930.102 đồng) cho Ngân hàng N (A).

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025, buộc chị Tăng Thị V1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng dụng số 7408LAV202000404, ngày 31/01/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 28/12/2023, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Tăng Thị V1 phải chịu 9.737.340 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng N (A) số tiền tạm ứng án phí là 5.760.000 đồng theo biên lai thu số 0011793, ngày 19/6/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) thu.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

